



yǒu hài
有害

adjective · destructive

Example Sentences

xī yān duì jiàn kāng fēi cháng yǒu hài
吸烟对健康非常有害。

Smoking is very harmful to health.

guò duō de zhī fáng duì shēn tǐ yǒu hài
过多的脂肪对身体有害。

Excessive fat is harmful to the body.

yī shēng jǐng gào tā xī yān yǒu hài jiàn kāng
医生警告他吸烟有害健康。

The doctor warned him that smoking is harmful to health.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有		
害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害
害	害									